

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày 11/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyên.

2. Ông Thái Quang Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U tham gia phiên tòa: Ông Phạm Lã Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Xuân C, tên gọi khác: Nguyễn Văn C, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1965 tại huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nơi thương trú: phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, nơi ở trước khi bị bắt: phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị V (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 06/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1953.

Địa chỉ: số 18, Tr, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Lê Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: tổ 3A, khu 2, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1953, trú tại phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, là Đội trưởng đội Lò 2, Xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 5, ở phường V, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh, chịu trách nhiệm trong việc nhận tiền tạm ứng lương và phát tiền cho các công nhân trong đội. Ngày 26/11/1993, do bận công tác, ông V nhờ Nguyễn Xuân C, là công nhân của đội Lò 2, đến phòng tài chính của Xí nghiệp, nhận hộ ông tiền tạm ứng lương kỳ 1 tháng 11 năm 1993 của công nhân trong đội, C đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, C đến phòng tài chính của Xí nghiệp gặp bà Lê Thị T, sinh năm 1960, trú tại tổ 3A, khu 2, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, là kế toán của Xí nghiệp, để nhận tiền. Do C đã nhiều lần lĩnh các khoản tiền hộ cho ông V nên bà T giao cho C số tiền 6.900.000 đồng. Đến sáng ngày 27/11/1993, C nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền của ông V nên cầm theo toàn bộ tiền, bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 01/12/1993, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã U (nay là thành phố U) ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh truy nã đối với Nguyễn Xuân C. Đến ngày 06/01/2023, Công an thành phố U đã bắt được C khi đang lẩn trốn tại số 61/4/28 đường N, phường 5, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đồng thời bị cáo đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được của bị hại tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố U.

Quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Văn V khai với nội dung: Cuối tháng 11/1993, ông V là đội trưởng Đội trưởng đội Lò 2, Xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 5. Anh C là công nhân của đội lò 2 được giao nhiệm vụ chạy vật tư cho đội làm việc. Vào buổi chiều một ngày tháng 11 năm 1993, Nguyễn Xuân C đi nhận tiền ứng lương cho công nhân đội lò 2, do thời gian đã lâu nên ông V không nhớ có nhờ C đi lĩnh tạm ứng tiền lương không nhưng sau khi nhận số tiền 6.900.000đồng, anh C không đưa lại cho ông V ngay để phát cho công nhân mà bỏ trốn. Sau khi sự việc xảy ra, ông V đã bị trừ lương hàng tháng để bù lại số tiền mà Nguyễn Xuân C đã chiếm đoạt. Tại Đơn xin xét xử ngày 03/4/2023, ông Nguyễn Văn V có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Xuân C. Đối với số tiền bị cáo C chiếm đoạt, ông V không yêu cầu bị cáo phải trả lại tài sản và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Quá trình điều tra, người làm chứng bà Lê Thị T khai với nội dung: Buổi chiều một ngày cuối tháng 11/1993, ông V là đội trưởng đội lò 2 dẫn anh C đến phòng tài chính xin nhận tiền lương của công nhân của đội lò 2 và để anh C lĩnh hộ vì ông V có việc phải đi. Do tin tưởng ông V nên bà T đã giao cho C số tiền tạm ứng lương của đội lò 2 với số tiền 6.900.000đồng, anh C đã nhận tiền và ký nhận vào sổ theo dõi. Sau khi nhận tiền xong, anh C đã bỏ trốn. Ngoài ra bà T C khai tại thời điểm năm 1993, đội trưởng các đội ở xí nghiệp thường là người trực tiếp đi nhận tiền lương cho công nhân, như trường hợp của ông V. Nếu đội trưởng bận thì nhờ người khác nhận hộ nhưng phải

trực tiếp nói với bà T và phải được sự đồng ý của bà T hoặc cán bộ khác của phòng tài chính thì người đó mới nhận tiền thay đổi trưởng được.

Về quá trình thành lập và hoạt động của Xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 5, ở phường V, quá trình điều tra làm rõ: Xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 5 trong giai đoạn từ tháng 4/1979 đến tháng 4/1999 lần lượt đổi tên thành Mỏ than 5, sau đó là mỏ than Bảo Đài, từ ngày 01/4/1999 một phần mỏ than Bảo Đài được sáp nhập vào mỏ than V, một phần sáp nhập vào mỏ than Đồng Vông, đến tháng 4 năm 2014, mỏ than Đồng Vông sáp nhập vào Công ty than U. Danh sách công nhân từ mỏ than Bảo Đài chuyển đến Công ty cổ phần than V và Công ty than U không có ai tên là Nguyễn Xuân C (Nguyễn Văn C), sinh năm 1965, thường trú tại V, U Quảng Ninh. Ngoài ra hai công ty trên không có tài liệu gì liên quan đến xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 5.

Tại Cáo trạng số 24/CT - VKSUB ngày 23/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố U đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân C về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với Nguyễn Xuân C như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bị cáo Nguyễn Xuân C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2023.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả gia đình bị cáo số tiền 6.900.000đ.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố U, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người,

đúng tội, không oan, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; lời khai của bị cáo C phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người đang bị tru tả lập hồ 10 giờ 00 phút ngày 06/01/2023 tại Công an phường 5, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 26/11/1993, tại Xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 5 thuộc phường V, thị xã U (nay là thành phố U), tỉnh Quảng Ninh, được sự tin tưởng của ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Xuân C nhận thay ông V số tiền 6.900.000 đồng. Sau khi nhận tiền, C không đưa cho ông V mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền trên.

Bị cáo Nguyễn Xuân C thực hiện hành vi phạm tội ngày 16/11/1993, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Đối chiếu quy định về tội danh trên thấy: Tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1991 không quy định số tiền chiếm đoạt, không có lợi cho bị cáo.

Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với khung hình phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm và quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để áp dụng đối với hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo. Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Xuân C phạm vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân C là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi đó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố U truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

Về tính chất, mức độ phạm tội bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn một thời gian dài, gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã nộp lại số tiền 6.900.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cần có một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để bị cáo rèn luyện, giáo dục và sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, bị cáo Nguyễn Xuân C C có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng sung quỹ Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý tài sản: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Nguyễn Xuân C đã nộp số tiền 6.900.000đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố U để khắc phục hậu quả, tuy nhiên bị hại ông Nguyễn Văn V không yêu cầu bị cáo phải trả lại tài sản và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử quyết định tuyên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân C, tên gọi khác: Nguyễn Văn C phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân C, tên gọi khác: Nguyễn Văn C **09** (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 06/01/2023.

2. Về xử lý tài sản:

Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân C số tiền 6.900.000đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003854 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về án phí:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo:

Căn cứ: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Xuyên

Thái Quang Định

Nguyễn Thanh Hải

